

Bản án số: **238/2025/DS-ST**
Ngày: 24 - 11 - 2025.
V/v tranh chấp bồi thường thiệt hại về
tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tú Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Dũng
2. Bà Đinh Thị Phương Lan

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Mộng Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - An Giang tham gia phiên tòa:
Bà Bùi Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29 tháng 09 năm 2025 và ngày 24 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – An Giang xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 282/2024/TLST-DS ngày 18 tháng 10 năm 2024 về việc tranh chấp bồi thường thiệt hại về tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 105/2025/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 09 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - An Giang, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trần Hữu T, sinh năm: 1978 (*có mặt*).

Địa chỉ: Khu phố Đ, thị trấn H, huyện H, tỉnh Kiên Giang. Nay khu phố Đ, xã H, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn:

2.1. Công ty cổ phần N

Đại diện theo pháp luật: Bà Bùi Thị Trúc Q. Chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị. Địa chỉ: Khu công nghiệp Đ - Hạnh phúc, ấp E, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An. Nay Lô MD3 khu công nghiệp Đ - Hạnh phúc, xã M, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Bùi Thị Trúc Q là anh Trương Thành T1. Chức vụ: Giám đốc Nghiên cứu phát triển (có mặt).

Địa chỉ: Khóm V, xã V, huyện C, tỉnh An Giang. Nay xã V, tỉnh An Giang.

2.2. Anh Trần Văn B, sinh năm: 1980 – Chủ hộ kinh doanh T3 (có mặt).

Địa chỉ: Khu phố C, thị trấn H, huyện H, tỉnh Kiên Giang. Nay khu phố C, xã H, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn ông Trần Hữu T trình bày:

Vào vụ lúa Đ - Xuân năm 2023 - 2024 anh có gieo trồng lúa tổng diện tích là 14,1 ha đất. Cụ thể, từng thửa ruộng được gieo trồng như sau:

- Thửa ruộng thứ nhất: Có diện tích là 5,7ha; Địa chỉ thửa ruộng tại ấp T, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang. Ở thửa ruộng này anh xạ giống DS1 và xuống giống vào ngày 27/11/2023.

- Thửa ruộng thứ hai: Có diện tích là 2ha; địa chỉ thửa ruộng tại khu phố Đ, thị trấn H, huyện H, tỉnh Kiên Giang. Ở thửa ruộng này anh xạ giống DS1 và xuống giống vào ngày 05/12/2023.

- Thửa ruộng thứ ba: Có diện tích là 6,4ha; địa chỉ thửa ruộng tại khu phố Đ, thị trấn H, huyện H, tỉnh Kiên Giang. Ở thửa ruộng này ông xạ giống DS1 và xuống giống vào ngày 03/12/2023.

Cả 03 thửa ruộng trên, từ khi xạ cho đến trước ngày 24/01/2024 cây lúa vẫn phát triển bình thường. Đến ngày 24/01/2024, ông đi thăm đồng thì phát hiện các thửa ruộng của ông có xuất hiện rầy phấn trắng. Cho nên, ông có đến gặp anh Trần Văn B là Chủ cửa hàng vật tư nông nghiệp T để hỏi và nhờ tư vấn thuốc để trị rầy phấn trắng. Sau khi được tư vấn, anh B đã bán cho anh 5 loại thuốc gồm: Lisara-200SC; Amtech-100EW; Bonsai Gold; Mospilan - 3EC; Reflect Etra - 325SC. Theo ông B nói tại lúc tư vấn, các loại thuốc trên đã được nhân viên Công ty cổ phần N là anh Nguyễn Anh B1 và anh Trịnh Tấn A đã tư vấn cho anh B các loại thuốc này là đặc trị rầy phấn trắng nên anh B nói anh cứ an tâm và sử dụng các loại thuốc này theo nhân viên Công ty cổ phần N đã tư vấn.

Do tin tưởng nên anh đã mua 05 loại thuốc trên, theo liều lượng anh B đã hướng dẫn để sử dụng cho tổng diện tích 14.1ha đất. Sau khi sử dụng, đến ngày 18/2/2024 anh phát hiện trên ruộng lúa bị nghẹn cổ bông, không trổ được mà chỉ trổ ngang cổ bông, còn những bông trổ được thì biến dạng. Từ đó, anh có làm

đơn gửi đến Chi cục trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh K; Phòng nông nghiệp huyện H và Trạm bảo vệ thực vật huyện H để xác minh thực tế và xác định nguyên nhân. Sau khi xác minh, Cơ quan có thẩm quyền đã kết luận:

Việc cây lúa không trở được, đâm chồi phụ là có tác động của thuốc Liasara. Loại thuốc này chỉ được đăng ký sử dụng trên cây hồ tiêu, nhưng trên nhãn lại hướng dẫn sử dụng trên cây sầu riêng; Còn đối với cây lúa là không có hướng dẫn sử dụng.

Từ đó, dẫn đến các ruộng lúa của anh đều bị thất thu năng suất, và giảm chất lượng hạt lúa. Theo ghi nhận của cơ quan xác minh, các diện tích lúa của anh bị thiệt hại từ 10 đến 20% và có thửa bị thiệt hại từ 25%-40%. Như vậy, ước tính giá trị thiệt hại của anh tính bình quân ở mức thấp nhất là 2.000.000đ/1000m² (1ha = 20.000.000đ). Tổng giá trị thiệt hại của anh tổng cộng được tính như sau: Diện tích 14,1ha (tính tròn là 14ha) x 20.000.000đ/1ha với số tiền thiệt hại là 280.000.000 đồng.

Nay anh làm đơn này yêu cầu Công ty Cổ phần N và Trần Văn B - Chủ Cửa hàng vật tư nông nghiệp T3) phải có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại cho anh số tiền thiệt hại về tài sản là 280.000.000 đồng (*bằng chữ: Hai trăm tám mươi triệu đồng*).

Tại các buổi hòa giải, anh T có thay đổi ý kiến đề nghị Công ty cổ phần N và anh Trần Văn B – Chủ cửa hàng vật tư nông nghiệp T3 phải bồi thường cho ông số tiền 200.000.000 đồng. Ngoài ra, anh không có yêu cầu nào khác.

2. Bị đơn trình bày ý kiến:

- Đại diện theo uỷ quyền của Công ty cổ phần N là anh Trương Thành T1 trình bày:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Công ty cổ phần N có ý kiến là Công ty không trực tiếp tư vấn ông T sử dụng thuốc. Công ty không bao giờ khuyến cáo người dân sử dụng 05 loại thuốc theo đơn khởi kiện của ông T. Công ty yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kết luận cho Công ty B3 kết luận. Đề nghị đưa ra các dẫn chứng khoa học cụ thể là việc cây lúa không trở được, đâm chồi phụ là có tác động của thuốc Liasara.

Từ những ý kiến nêu trên, Công ty cổ phần N không đồng ý bồi thường cho ông T.

Tuy nhiên, đại diện theo ủy quyền của Công ty cổ phần N thừa nhận sau khi thiệt hại xảy ra trên diện tích cây lúa của ông Thế thì Công ty đã xuống làm việc và đồng hành, hỗ trợ nông dân. Trong đó, Công ty đã hỗ trợ cho khoảng các hộ nông dân bị thiệt hại do có sử dụng thuốc Liasara – 200SC tại Chi cục; riêng giữa anh T với Công ty chưa thỏa thuận được mức hỗ trợ thiệt hại nên Công ty chưa hỗ trợ. Thời điểm từ tháng 04/2024, Công ty Đ2 hỗ trợ cho anh T số tiền 180.000.000 đồng nhưng anh T không đồng ý.

Trong quá trình hòa giải, Công ty đồng ý hỗ trợ cho anh T số tiền 100.000.000 đồng bằng thuốc trừ bệnh AMO. Tuy nhiên, anh B sẽ lấy ½ số thuốc quy ra số tiền 50.000.000 đồng đưa tiền cho anh Thế, còn lại đưa số thuốc Công ty đưa cho anh T tương đương số tiền 50.000.000 đồng.

Việc anh T yêu cầu Công ty với anh B cùng chịu trách nhiệm bồi thường thì đại diện theo ủy quyền của Công ty cổ phần N – anh Trương Thanh T2 có ý kiến: Anh thống nhất với ý kiến của anh B về việc Chi cục trưởng Trông trọt và bảo vệ thực vật tỉnh Kiên Giang (cũ) giao cho Công ty cổ phần N thỏa thuận, hỗ trợ nông dân nên Công ty cổ phần N sẽ tự chịu trách nhiệm giải quyết liên quan đến yêu cầu của anh T. Công ty cổ phần N không yêu cầu trách nhiệm liên đới của anh B cùng chịu trách nhiệm theo yêu cầu của anh T trong vụ án. Nếu sau này, Công ty có tranh chấp với anh B liên quan đến số tiền bồi thường cho anh Thế thì Công ty sẽ khởi kiện anh B thành vụ án khác.

- Anh Trần Văn B – Chủ hộ kinh doanh T3 có ý kiến trình bày:

Anh B xác định anh trực tiếp tư vấn cho anh T ba loại thuốc Lisara-200SC, Mospilan - 3EC, Amtech-100EW. Lý do, anh T có trao đổi với anh về việc lúa anh T bị rầy phấn trắng và thuốc này đã được nhân viên Công ty cổ phần N tư vấn sử dụng điều trị rầy phấn trắng và được thấy những người khác sử dụng nên anh mới trao đổi và bán cho anh T các loại thuốc này. Riêng Bonsai G; R - 325SC là anh bán theo yêu cầu của anh T. Còn việc anh T sử dụng như thế nào, pha trộn như thế nào thì anh không biết. Anh cũng đồng ý với ý kiến của anh T2, Công ty cổ phần N chịu trách nhiệm với anh T về thỏa thuận hỗ trợ hay bồi thường, anh không đồng ý trách nhiệm liên đới theo yêu cầu của anh T.

*** *Tại phiên tòa sơ thẩm:***

- *Nguyên đơn anh Trần Hữu T có ý kiến:* Anh T có ý kiến yêu cầu Công ty cổ phần N và anh Trần Văn B – Chủ hộ kinh doanh T phải liên đới bồi thường cho anh số tiền 180.000.000 đồng. Ngoài ra, anh không có yêu cầu nào khác.

- *Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty cổ phần N – anh Trương Thanh T2 có ý kiến:* Công ty cổ phần N thừa nhận trước đây Công ty có đồng ý hỗ trợ thiệt hại cho anh T số tiền 180.000.000 đồng. Thời điểm này, Công ty không phản đối hay có ý kiến gì đối với thiệt hại anh T xác định với số tiền 280.000.000 đồng.

Đối với số tiền 180.000.000 đồng mà Công ty Đ2 hỗ trợ cho anh T trên cơ sở thiệt hại của anh T và khả năng của Công ty có thể hỗ trợ cho anh T số tiền này. Tuy nhiên, anh T không đồng ý số tiền 180.000.000 đồng nên hiện nay Công ty không đồng ý bồi thường hay hỗ trợ cho anh T bất cứ số tiền nào.

Với lý do, trong các loại thuốc mà anh T đã sử dụng phun trên cây lúa gây ra thiệt hại theo anh T xác định trong theo đơn khởi thì chỉ có hai sản phẩm, trong đó có sản phẩm Lisara-200SC là sản phẩm của Công ty cổ phần N nhưng chưa có căn cứ xác định thiệt hại của anh Thế L do thuốc Lisara – 200SC nên anh yêu cầu anh T cung cấp chứng cứ hợp pháp thiệt hại của anh Thế là do thuốc Lisara – 200SC gây ra. Cho nên, đại diện theo ủy quyền của Công ty cổ phần N đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Trường hợp, nếu theo quy định pháp luật Công ty cổ phần N phải bồi thường cho anh Thế thì Công ty tự nguyện chịu trách nhiệm đối với thiệt hại phải bồi thường cho anh T, không yêu cầu trách nhiệm liên đới của anh Trần Văn B – Chủ hộ kinh doanh T. Sau này, nếu Công ty có tranh chấp với anh B số tiền phải bồi thường cho anh Thế thì Công ty sẽ khởi kiện thành vụ kiện khác.

- *Anh Trần Văn B có ý kiến:* Anh đồng ý với ý kiến của đại diện theo ủy quyền của Công ty cổ phần N là anh Trương Thành T1, với lý do: Trước đây, Chi cục trưởng Trồng trọt và bảo vệ thực vật tỉnh Kiên Giang (cũ) giao cho Công ty cổ phần N thỏa thuận, hỗ trợ nông dân nên Công ty cổ phần N sẽ tự chịu trách nhiệm giải quyết liên quan đến các hộ dân, trong đó có yêu cầu của anh T nên anh T1 xác định Công ty cổ phần N tự chịu trách nhiệm với anh Thế thì anh đồng ý. Ngoài ra, anh không có ý kiến hay yêu cầu nào khác.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – An Giang phát biểu ý kiến:* Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử sơ thẩm và của các

đương sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Việc cấp tổng đạt cho người tham gia tố tụng nhìn chung đã thực hiện đúng quy định. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình như cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, chấp hành các văn bản tố tụng của Tòa án theo đúng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – An Giang đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Hữu T. Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty cổ phần N không yêu cầu trách nhiệm liên đới của anh Trần Văn B – Chủ hộ kinh doanh T phải chịu trách nhiệm liên đới bồi thường cho anh Trần Hữu T. Buộc Công ty cổ phần N phải bồi thường cho anh Trần Hữu T số tiền 140.000.000 đồng. Ngoài ra, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên về án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn anh Trần Hữu T khởi kiện yêu cầu bị đơn Công ty cổ phần N và anh Trần Văn B – Chủ hộ kinh doanh T phải bồi thường số tiền thiệt hại về tài sản liên quan đến việc sử dụng thuốc Lisara 200SC do bị đơn sản xuất và cung cấp nên quan hệ pháp luật được xác định là tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng về tài sản theo quy định tại khoản 9 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 589 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Do bị đơn anh Trần Văn B – Chủ hộ kinh doanh T cư trú tại khu phố C, thị trấn H, huyện H, tỉnh Kiên Giang (nay khu phố C, xã H, tỉnh An Giang). Đồng thời, anh Trần Hữu T cư trú tại xã H, tỉnh An Giang. Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì nguyên đơn anh Trần Hữu T có thể lựa chọn Tòa án nơi mình cư trú. Do đó, căn cứ Điều 35, Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì anh T đã lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang (nay Tòa án nhân dân khu vực 4 – An Giang) giải quyết là đúng quy định pháp luật nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 – An Giang.

[3]. Về nội dung vụ án:

[3.1]. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn anh Trần Hữu T với bị đơn đại diện theo ủy quyền của Công ty cổ phần N và anh Trần Văn B thống nhất thừa nhận: Anh Nguyễn Anh B1 và anh Trịnh Tấn A là nhân viên của Công ty cổ phần N có đến Cửa hàng vật tư nông nghiệp T3 do anh Trần Văn B làm chủ để tư vấn về sản phẩm thuốc Lisara 200SC điều trị rầy phấn trắng. Sau khi được anh B1 tư vấn về sản phẩm thuốc Lisara 200SC thì thời điểm tư vấn có 03 hộ nông dân trực tiếp mua thuốc Lisara – 200SC, sau đó có thêm các hộ nông dân khác đã được nhân viên Công ty T3 mua Lisara 200SC để sử dụng phun, điều trị rầy phấn trắng trên cây lúa. Riêng đối với anh T, mặc dù anh T không trực tiếp được anh B1, anh A tư vấn sử dụng mua thuốc Lisara 200SC nhưng anh B1, anh A đã được Công ty phân công đến cửa hàng T3 để tư vấn, giới thiệu về sản phẩm Lisara 200SC chuyên trị rầy phấn trắng cho các hộ nông dân cũng như cung cấp thông tin cho cửa hàng T3 để tư vấn và bán sản phẩm thuốc Lisara 200SC. Từ những thông tin sản phẩm mà anh B1, anh A là nhân viên Công ty cung cấp đã tạo niềm tin để Cửa hàng vật tư nông nghiệp Thanh B2 cung cấp cho anh T để anh T tin tưởng mua và sử dụng thuốc Lisara 200SC của Công ty cổ phần N. Kết quả sử dụng thuốc điều trị rầy phấn trắng, trong đó có sử dụng thuốc Lisara 200SC theo nhân viên Công ty cổ phần N tư vấn thì điều xuất hiện tình trạng cây lúa bị ngẹn bông, bông trở ngang hông, hạt bị biến dạng và lem đen gây ra thiệt hại.

Điều này phù hợp với lời khai của anh Trương Thanh T2 tại phiên tòa sơ thẩm ngày 29/9/2025, anh Trương Thanh T2 thừa nhận thời điểm tháng 01/2024 anh Nguyễn Anh B1 và anh Trịnh Tấn A đến cửa hàng vật tư nông nghiệp T để tư vấn sản phẩm nông dân sử dụng thuốc Lisara – 200SC thì anh B1, anh A là nhân viên chính thức của Công ty cổ phần N. Do anh B1, anh A hiểu biết có kiến thức về sản phẩm thuốc Lisara 200SC nên Công ty cử anh B1, anh A đi mở rộng thị trường, giới thiệu sản phẩm tại khu vực huyện H (cũ), trong đó có đến cửa hàng vật tư nông nghiệp T để giới thiệu, tư vấn sản phẩm thuốc Lisara 200SC theo sự phân công của Công ty.

Điều này thống nhất với lời khai của anh Nguyễn Anh B1 tại biên bản xác minh ngày 08/3/2024 của Phòng thanh tra pháp chế - Chi cục trồng trọt và bảo vệ

thực vật K, anh Nguyễn Anh B1 thừa nhận: Tháng 01/2024, Công ty cổ phần N có cử nhân viên Công ty cổ phần N xuống địa bàn huyện H để tư vấn phòng trị rầy phấn trắng bằng thuốc Lisara 200SC. Tại đại lý T4 có ông và ông Trịnh Tấn A trực tiếp tư vấn sản phẩm (BL 70). Đây là những tình tiết được các đương sự thừa nhận, được xem là chứng cứ để giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 92, Điều 93 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 29/9/2025, đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty cổ phần N có ý kiến cho rằng, thuốc Lisara 200SC có thể được sử dụng trên cây lúa.

Tại Quyết định cung cấp chứng cứ ngày 30/10/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - An Giang đã yêu cầu Công ty cổ phần N cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ chứng minh thuốc Lisara 200SC được sử dụng trên cây lúa để chứng minh cho lời khai là có căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ngày 14/11/2025, Công ty cổ phần N cung cấp cho Tòa án vi bằng về các nguyên cứu thể hiện các côn trùng gây hại trên cây trồng của PGS.TS Nguyễn Văn H, Tiến sĩ Lê Thị S; luận văn tiến sĩ của nghiên cứu sinh Võ Thị Bích C về việc nguyên cứu xác định thành phần loài, quy luật phát sinh, gây hại và biện pháp quản lý tổng hợp bộ phấn trắng hại lúa tại hai tỉnh Long An và An Giang và các tạp chí khoa học công nghệ. Xét thấy, các tài liệu, chứng cứ do Công ty cổ phần N cung cấp chủ yếu xác định nguyên nhân rầy phấn trắng nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh về việc thuốc Lisara 200SC có thể sử dụng được trên cây lúa nên không có cơ sở để HĐXX xem xét.

Bởi lẽ, theo chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật được Cục B4 cấp đăng ký sản phẩm và dạng thuốc Lisara 200SC cho công ty cổ phần N – địa chỉ: Lô M, KCN Đ- Hạnh phúc, ấp E, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An với phạm vi và phương pháp sử dụng trên cây hồ tiêu, sinh vật rầy thiệt hại là rệp sáp (BL 104). Do đó, Công ty cổ phần N đã cử nhân viên tư vấn giới thiệu sản phẩm thuốc Lisara 200SC không đúng với giấy chứng nhận sản phẩm thuốc bảo vệ thực vật Lisara 200SC gây thiệt hại cho các hộ nông dân (trong đó có hộ anh Trần Hữu T) nên Công ty cổ phần N phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại về tài sản cho anh Trần Hữu T do hành vi của nhân viên Công ty N gây ra theo quy định tại Điều

589, Điều 597 của Bộ luật dân sự năm 2015 là có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét.

[3.2]. Về giá trị thiệt hại: Tại bản tường trình thiệt hại đề ngày 22/10/2025, anh T xác định thiệt hại của anh là 421.119.000 đồng. Tuy nhiên, tại biên bản đề ngày 12/11/2025 của Công ty cổ phần N có ý kiến phản hồi về thiệt hại do anh T cung cấp.

Theo đó, Công ty cổ phần N không thừa nhận thiệt hại do anh T cung cấp với số tiền 421.119.000 đồng. Vì theo Công ty chứng cứ do anh T cung cấp chỉ có xác nhận của đại diện Ban lãnh đạo ấp Đầu Doi, không có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền nên tài liệu chứng cứ của anh T cung cấp không có giá trị pháp lý và không có giá trị chứng minh thiệt hại thực tế. Căn cứ quy định tại Điều 93, Điều 94 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2025 về tài liệu chứng cứ chứng minh mà anh T cung cấp chưa đảm bảo trình tự thủ tục theo quy định pháp luật. Cho nên, phản bác của Công ty cổ phần N có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Hội đồng xét xử, thấy rằng: Tại thời điểm thiệt hại xảy ra anh T cùng với 06 hộ nông dân khác có sử dụng thuốc Lisara 200SC để phun trên cây lúa điều trị rầy phấn trắng đã làm đơn yêu cầu Trạm trồng trọt và bảo vệ thực vật Hòn Đất giải quyết. Trong khoảng thời gian tháng 4/2024, Công ty cổ phần N do anh Trương Thành T1, chức vụ: Giám đốc bộ phận và nghiên cứu, phát triển thị trường đã đến làm việc trực tiếp với các hộ nông dân để thỏa thuận hỗ trợ hiện tượng lúa bị ảnh hưởng do phun thuốc, có sáu hộ nông dân bị thiệt hại đã nhận hỗ trợ từ Công ty cổ phần N; riêng anh T không thỏa thuận được.

Tại biên bản phiên tòa ngày 29/9/2025, anh T1 thừa nhận chữ ký tại biên bản thỏa thuận đề ngày 15/4/2024, tại khu phố Đ, thị trấn H, huyện H, tỉnh Kiên Giang (nay khu phố Đ, xã H, tỉnh An Giang) do anh trực tiếp ký. Tại biên bản thỏa thuận đề ngày 15/4/2024 thể hiện: Chủ ruộng anh Trần Hữu T diện tích 14,1 ha x 20.000.000 đồng/ha. Công ty hỗ trợ 150.000.000 đồng tiền mặt và 30.000.000 đồng tiền thuốc của đại lý T4 nhưng chủ ruộng yêu cầu 20.000.000 đồng/ha (BL 01).

Theo anh T1 cho rằng, thời điểm này Công ty cổ phần N đồng ý hỗ trợ cho anh T và các hộ nông dân vì Công ty cổ phần N có đến kiểm tra và thống nhất

thừa nhận thời điểm đó các hộ nông dân và anh T có thiệt hại và đồng ý hỗ trợ thiệt hại cho các hộ nông dân có sử dụng thuốc Lisara 200SC vào điều trị rầy phấn trắng, trong đó có anh T. Quá trình thỏa thuận hỗ trợ các hộ nông dân đã nhận được hỗ trợ; riêng hộ anh Trần Hữu T không thỏa thuận được do các bên không thống nhất số tiền hỗ trợ.

Đồng thời, anh T1 xác định thời điểm Công ty thỏa thuận hỗ trợ cho anh T vì Công ty thừa nhận anh T có thiệt hại nên Công ty mới đồng ý hỗ trợ để anh T khắc phục hậu quả. Mức hỗ trợ Công ty đưa ra cho anh T với số tiền 180.000.000 đồng (bao gồm 30.000.000 đồng tiền thuốc của đại lý T4) là căn cứ tình hình thực tế thiệt hại mà anh T xác định, cũng như khả năng của Công ty nên Công ty đề xuất mức hỗ trợ thiệt hại cho anh T với số tiền nêu trên. Thời điểm này, Công ty không phản đối thiệt hại do anh T xác định trên cây lúa của anh T với số tiền 280.000.000 đồng (tương đương 20.000.000 đồng/ha).

Xét thấy, anh T xác định số tiền thiệt hại là 280.000.000 đồng; trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Công ty cổ phần N không có phản bác với thiệt hại mà anh T xác định tại thời điểm các bên thỏa thuận hỗ trợ (bồi thường) là 280.000.000 đồng. Đối chiếu tỷ lệ thiệt hại mà anh T xác định với số tiền 280.00.000 đồng (tương đương với diện tích lúa 14,1ha) phù hợp với biên bản ngày 26/4/2024 của Trạm trọng trọt và bảo vệ thực vật Hòn Đ1 đối với diện tích lúa của anh T tại thời điểm xảy ra thiệt hại tháng 4/2024 và phù hợp với thiệt hại của các hộ nông dân khác có sử dụng thuốc Lisara 200SC cùng thời điểm bị thiệt hại.

Tại phiên tòa sơ thẩm, anh T cho rằng số thiệt hại 280.000.000 đồng là số tiền thiệt hại còn lại, sau khi anh đã tự cân chi phí và tự chịu một phần thiệt hại nhưng anh không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh.

Trong khi đó, đại diện theo ủy quyền của Công ty thừa nhận thiệt hại của anh Thế L có thật và trên cơ sở thiệt hại thực tế do anh T xác định mà Công ty đề xuất mức hỗ trợ để đồng hành chia sẻ khó khăn với anh T. Cho nên, Công ty không phản đối về giá trị thiệt hại mà anh T xác định với số tiền 280.000.000 đồng, mà Công ty chỉ không đồng ý hỗ trợ (hay bồi thường) thiệt hại toàn bộ số tiền 280.000.000 đồng theo yêu cầu của anh T.

Do đó, căn cứ Điều 91, Điều 92, Điều 93 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử thống nhất xác định thiệt hại tài sản của anh T do sử dụng thuốc, trong đó có thuốc Lisara 200SC của Công ty cổ phần N với số tiền thiệt hại là 280.000.000 đồng là phù hợp, có cơ sở.

[3.3]. Xét về lỗi dẫn đến thiệt hại về tài sản: Tại phiên tòa, anh T1 thừa nhận việc nhân viên Công ty cổ phần N có hướng dẫn nông dân sử dụng thuốc Lisara 200SC xịt trên cây lúa. Xét thấy, sau khi được nhân viên Công ty cổ phần N đã trực tiếp hoặc gián tiếp cung cấp thông tin không đúng về sản phẩm dẫn đến các hộ nông dân đã tin tưởng và sử dụng thuốc Lisara 200SC của Công ty cổ phần N trị rầy phấn trắng trên cây lúa dẫn đến thiệt hại, trong đó có hộ nông dân anh T nên Công ty phải chịu trách nhiệm đối với lỗi của nhân viên Công ty liên quan đến thiệt hại cho anh T.

Đồng thời, anh T thừa nhận trong quá trình sử dụng thuốc Lisara 200SC anh T cũng có sự pha trộn thêm các loại thuốc khác cũng như phương thức sử dụng, pha trộn thuốc do anh tự canh chỉnh liều lượng, thời tiết xịt thuốc do anh tự quyết định. Cho nên, thiệt hại xảy ra anh T cũng có một phần lỗi. Do đó, anh T cũng như Công ty cổ phần N phải chịu trách nhiệm đối với thiệt hại do lỗi do mình gây nên, tương đương với tỷ lệ mỗi bên phải chịu 50% (tương đương số tiền thiệt hại là 140.000.000 đồng).

[4]. Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của Công ty cổ phần N tự nguyện chịu trách nhiệm bồi thường cho anh T theo quy định pháp luật, Công ty không yêu cầu anh Trần Văn B phải chịu trách nhiệm liên đới bồi thường và anh Trần Văn B đồng ý với tự nguyện này của Công ty; riêng anh T không có ý kiến phản đối với sự tự nguyện của Công ty cổ phần N. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của đương sự, không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này.

[5]. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147, 157 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc Công ty cổ phần N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền là 140.000.000 đồng x 5% = 7.000.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, anh T thay đổi yêu cầu khởi kiện, anh T chỉ yêu cầu Công ty cổ phần N và anh Trần Văn B – Chủ hộ kinh doanh T phải bồi thường số tiền 180.000.000 đồng nên yêu cầu của anh T không được chấp nhận với số tiền 40.000.000 đồng nên anh T chỉ chịu án phí đối với số tiền không được chấp nhận là: 40.000.000 đồng x 5% = 2.000.000 đồng. Khâu trừ số tiền tạm ứng án phí mà anh T đã nộp là 7.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001315 ngày 02/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang (nay Thi hành án dân sự tỉnh An Giang). Anh Trần Hữu T được nhận lại số tiền 5.000.000 đồng (bằng chữ: Năm triệu đồng).

[6]. Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – An Giang, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – An Giang; chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Hữu T.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; các điều 147, 161, 162, 227, 228, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng các điều 584, 585, 589, 597 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Hữu T đối với bị đơn Công ty cổ phần N và anh Trần Văn B – Chủ hộ kinh doanh T.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty cổ phần N không yêu cầu trách nhiệm liên đới của anh Trần Văn B – Chủ hộ kinh doanh T3 phải chịu trách nhiệm cùng với Công ty cổ phần N phải bồi thường thiệt hại cho anh Trần Hữu T.

3. Buộc Công ty cổ phần N phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại về tài sản cho anh Trần Hữu T với số tiền là 140.000.000 đồng (*bằng chữ: Một trăm bốn mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày anh Trần Hữu T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty cổ phần N không trả hoặc trả không đủ số tiền nêu trên, thì Công ty phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc Công ty cổ phần N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền là 140.000.000 đồng x 5% = 7.000.000 đồng (*bằng chữ: Bảy triệu đồng*)

- Buộc anh Trần Hữu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền là: 2.000.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 7.000.000 đồng mà anh T đã đóng theo biên lai thu tiền số 0001315 ngày 02/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang (nay Thi hành án dân sự tỉnh An Giang). Anh Trần Hữu T được nhận lại số tiền 5.000.000 đồng (*bằng chữ: Năm triệu đồng*).

5. Quyền kháng cáo: Báo cho đương sự có mặt được biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKSND cùng cấp;
- THADS tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tú Quỳnh

